

Số: 102/QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 07 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định Chế độ làm việc của giảng viên
Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ ban hành Quy định Chế độ làm việc của giảng viên và Quyết định số 49/QĐ-ĐHKTCN ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần

Thư ban hành Quy định Chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Kỹ thuật
- Công nghệ Cần Thơ hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Các đơn vị thuộc Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ căn cứ
quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, TC.



Huỳnh Thanh Nhã

QUY ĐỊNH

Chế độ làm việc của giảng viên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 102/QĐ-ĐHKTCN ngày 07 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (sau đây gọi tắt là giảng viên), bao gồm: Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên; thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học; quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy và chế độ làm việc vượt định mức lao động.

2. Quy định này áp dụng đối với giảng viên đang làm việc tại Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ và do Trường trả lương.

3. Viên chức không giữ chức danh giảng viên nhưng có tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học thì thực hiện quy chuẩn theo quy định này để nhận thù lao theo hệ số và định mức chi tương ứng quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Điều 2. Nhiệm vụ chung của giảng viên

1. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của Trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Nghiêm túc chấp hành sự phân công công tác của lãnh đạo bộ môn, lãnh đạo khoa. Nếu không thể thực hiện sự phân công, phải có lý do chính đáng và được sự chấp thuận của lãnh đạo khoa. Khi phát hiện có sự phân công công tác không hợp lý, không đồng đều, giảng viên có trách nhiệm phản ánh lại với lãnh đạo khoa để giải quyết; nếu chưa thỏa đáng, giảng viên báo cáo lên Ban Giám hiệu để xem xét giải quyết.

4. Giảng viên không được ký hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động hoặc hợp đồng giảng dạy với các đơn vị khác ngoài Trường khi chưa được sự đồng ý của Ban Giám hiệu Nhà trường.

Điều 3. Nhiệm vụ theo chức danh nghề nghiệp của giảng viên

1. Giảng viên cao cấp (hạng I) - Mã số: V.07.01.01

a) Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

b) Chủ trì xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của chuyên ngành; đề xuất phương hướng, biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành; chủ động cập nhật thường xuyên những thành tựu khoa học vào việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học; định hướng nghiên cứu khoa học cho khoa, nhóm chuyên môn;

d) Chủ trì hoặc tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; tổ chức và trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học. Chủ trì hoặc tham gia nghiệm thu và công bố các báo cáo khoa học, các công trình nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm đóng góp vào sự phát triển của khoa và chuyên ngành; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

đ) Tổ chức hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học; hướng dẫn người học phương pháp học tập, nghiên cứu có hiệu quả; phát hiện năng lực sở trường của người học để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tài năng;

e) Chủ trì hoặc tham gia bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa hoặc chuyên ngành.

2. Giảng viên chính (hạng II) - Mã số: V.07.01.02

a) Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

b) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đề xuất chủ trương, phương hướng và biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành được giao đảm nhiệm; chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Chủ trì, tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

đ) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập;

e) Tham gia bồi dưỡng giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa hoặc chuyên ngành.

3. Giảng viên (hạng III) - Mã số: V.07.01.03

a) Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và hướng dẫn, đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định;

b) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi chung là sách phục vụ đào tạo);

d) Tổ chức, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, các đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

đ) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm và thực tập.

4. Trợ giảng (hạng III) - Mã số: V.07.01.23

a) Hỗ trợ giảng viên (hạng III), giảng viên chính (hạng II), giảng viên cao cấp (hạng I) trong các hoạt động giảng dạy, bao gồm: Chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, thực tập và chấm bài;

b) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

c) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Thời gian làm việc, thời gian giảng dạy, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học

1. Thời gian làm việc

a) Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác tương ứng với vị trí công việc và chức danh đảm nhiệm, được xác định theo năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định.

b) Giảng viên phải đảm bảo thực hiện đúng thời gian quy định khi lên lớp giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn thực hành, thực tập, thí nghiệm, hội họp, học tập nghị quyết, tham dự các buổi sinh hoạt chính trị, tham dự hội thảo, hội nghị, các buổi báo cáo khoa học và các công việc khác theo sự phân công của lãnh đạo bộ môn, khoa và Trường.

2. Thời gian giảng dạy

Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn giảng dạy, trong đó một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) 50 phút được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy và được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 7 của Quy định này.

3. Giờ chuẩn (GC) giảng dạy và nghiên cứu khoa học

a) Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng một công việc nhất định thuộc nhiệm vụ của giảng viên tương đương với một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến), bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

b) Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm.

c) Tổng định mức giờ chuẩn (đơn vị tính: GC) quy định cho một năm học được tính từ ngày 01 tháng 7 năm trước đến hết ngày 30 tháng 6 năm sau.

4. Trường hợp đặc biệt

Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của Bộ luật Lao động hiện hành được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ.

Điều 5. Định mức giờ chuẩn

1. Định mức giờ chuẩn của giảng viên được quy định như sau:

Bảng 1: Định mức giờ chuẩn giảng viên

Đơn vị tính: GC

TT	Chức danh, trình độ của giảng viên	Định mức giờ chuẩn giảng dạy	Định mức giờ chuẩn NCKH
1	Giảng viên hạng I	200	250
2	Giảng viên hạng II	240	210
3	Giảng viên hạng III (có bằng tiến sĩ)	280	170
	Giảng viên hạng III (có bằng thạc sĩ)	300	150
	Giảng viên hạng III (tập sự, có bằng tiến sĩ)	140	0

	Giảng viên hạng III (tập sự, có bằng thạc sĩ)	150	0
	Giảng viên hạng III (chưa có bằng thạc sĩ)	100	50
4	Trợ giảng	80	40
	Trợ giảng (tập sự)	60	0

2. Một số điều kiện trong thực hiện nhiệm vụ của giảng viên

a) Giảng viên cần thực hiện đủ các công việc sau:

Giảng dạy (lý thuyết, thực hành, thí nghiệm) đảm bảo đúng kế hoạch được phê duyệt (trừ trường hợp giảng viên không hoàn thành định mức giờ chuẩn giảng dạy trong năm do không đủ lớp học phần bố trí thì được phép chuyển đổi giữa các nhiệm vụ khác để đảm bảo tổng định mức giờ làm việc).

Thực hiện ít nhất một nội dung trong nhóm công việc nghiên cứu khoa học được nêu tại số thứ tự từ 12 đến 17 Khoản 1, Điều 7 của Quy định này.

b) Đối với giảng viên không hoàn thành các nhiệm vụ tại điểm (a) Khoản 2 điều này, Hiệu trưởng căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ chính sách liên quan; đồng thời cho phép chuyển đổi giữa giờ chuẩn giảng dạy, giờ nghiên cứu khoa học và giờ công tác khác.

c) Giảng viên tập sự thực hiện nhiệm vụ trợ giảng và các công việc sau:

Hoàn thành các nhiệm vụ được nêu trong Hợp đồng làm việc của giảng viên tập sự đã ký với Nhà trường.

Làm việc giờ hành chính (bao gồm tổng định mức giờ chuẩn phải thực hiện tại Khoản 1, Điều 5 của Quy định này) và chấp hành sự quản lý của lãnh đạo đơn vị.

Biên soạn hoàn chỉnh ít nhất **bài giảng một học phần**, giảng thử và được khoa đánh giá đạt yêu cầu giảng dạy (có biên bản đánh giá cụ thể).

Tham gia dự giờ ít nhất 50% số tiết của 03 học phần trong một năm học và báo cáo kết quả dự giờ có xác nhận của giảng viên giảng dạy và lãnh đạo Khoa.

d) Trợ giảng chưa có bằng thạc sĩ sau khi hoàn thành thời gian tập sự, tối đa 01 năm phải trúng tuyển sau đại học và phải hoàn thành chương trình đào tạo sau đại học theo quyết định cử đi đào tạo. Trường hợp quá thời gian quy định, Hiệu trưởng sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng làm việc.

đ) Lãnh đạo khoa khi đề xuất giảng viên đi đào tạo tiến sĩ phải căn cứ tình hình thực tế và đảm bảo số lượng giảng viên thực hiện khối lượng công tác hoàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
 CÔNG NGHỆ

thành trong năm của đơn vị; không đề xuất giảng viên đi đào tạo khi chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đào tạo hàng năm.

e) Giảng viên được cử đi học sau đại học, tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn (sau đây gọi chung là đi học) phải bồi hoàn lại phần định mức giờ chuẩn đã được miễn/giảm và hoàn trả các chế độ khác được hưởng trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

Không hoàn thành khóa học theo quyết định cử đi học của Trường;

Không thực hiện đúng hợp đồng trách nhiệm đã ký.

g) Trường hợp giảng viên xin gia hạn thời gian đào tạo sau đại học

Giảng viên có đơn xin gia hạn và phải có xác nhận của cơ sở đào tạo về lý do xin gia hạn.

Đối với giảng viên được cử đi đào tạo thạc sĩ: gia hạn tối đa 24 tháng.

Đối với giảng viên được cử đi đào tạo tiến sĩ: gia hạn tối đa 36 tháng.

h) Giảng viên hoàn thành khóa học và trở về Trường tiếp nhận nhiệm vụ trước thời hạn (ít nhất 03 tháng đối chương trình đào tạo thạc sĩ và ít nhất 06 tháng đối với chương trình đào tạo tiến sĩ), khi tiếp nhận nhiệm vụ vẫn được hưởng các chế độ miễn giảm giờ chuẩn đến hết thời gian cử đi đào tạo (căn cứ theo thời gian quyết định cử đi đào tạo) và được ghi nhận thành tích để xem xét nâng lương trước hạn theo quy định.

i) Trong thời gian 01 năm, nếu viên chức giữ ngạch giảng viên không tham gia giảng dạy sẽ chuyển sang ngạch khác tương ứng (trừ trường hợp giảng viên được Trường cử đi đào tạo phục vụ công tác chuyên môn).

Điều 6. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể trong Trường, giảng viên nữ có con nhỏ.

1. Giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể trong Trường có nghĩa vụ thực hiện định mức giờ chuẩn giảng dạy như sau:

Bảng 2: Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm

Đơn vị tính: GC

Stt	Chức vụ	Tỷ lệ %
1	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng	15%
2	Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng	20%
3	Trưởng phòng, Giám đốc trung tâm, Thư ký Hội đồng trường	25%
4	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Trưởng phòng, Phó Giám đốc trung tâm	30%
5	Giảng viên kiêm nhiệm tại các phòng, trung tâm	35%
6	Bí thư Đoàn trường	50%

7	Phó Bí thư Đoàn Trường	60%
8	Chủ tịch Hội Sinh viên	60%
9	Phó Chủ tịch Hội Sinh viên	70%
10	Trưởng khoa, Phó trưởng khoa a) Đối với khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên: - Trưởng khoa - Phó trưởng khoa	60% 70%
	b) Đối với khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học: - Trưởng khoa - Phó trưởng khoa	70% 80%
11	Bí thư Đoàn khoa, UVTV Đoàn trường	75%
12	Trưởng bộ môn, Phó bí thư Đoàn khoa, Liên Chi hội trưởng, UVBCH Đoàn trường; UVBTK Hội SV, Bí thư Chi đoàn cơ sở	80%
13	Phó trưởng BM, Bí thư chi bộ, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Liên Chi hội phó, UVBTV Đoàn khoa; Phó bí thư Chi đoàn cơ sở	85%
14	Phó Bí thư chi bộ, Bí thư, Phó Bí thư chi đoàn VCGV của khoa, UVBCH Đoàn khoa	90%
15	Giảng viên là quân nhân dự bị, tự vệ của Trường được cử đi diễn tập, huấn luyện được tính 2,5 GC/ngày.	
16	Giảng viên là chủ tịch, phó chủ tịch Công đoàn cơ sở không chuyên trách được giảm 44 GC/năm.	
17	Giảng viên là ủy viên ban chấp hành, tổ trưởng tổ công đoàn không chuyên trách được giảm 22 GC/năm.	
18	Giảng viên nữ đang trong thời gian nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được giảm 40 GC/năm.	

2. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ chuẩn thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm.

3. Giảng viên kiêm nhiệm công tác quản lý phải đảm bảo công tác chuyên môn được giao tại đơn vị và thực hiện giảng dạy theo kế hoạch được phân công.

4. Giảng viên làm việc tại các phòng, trung tâm được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý thực hiện tổng định mức giờ chuẩn bằng định mức giờ chuẩn giảng dạy quy định tại Bảng 2 điều này.

Điều 7. Quy đổi nội dung công việc ra giờ chuẩn

1. Hoạt động thực hiện theo nhiệm vụ của giảng viên được quy chuẩn như sau:

Bảng 3: Quy chuẩn các hoạt động của giảng viên

TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
GIẢNG DẠY		
1	<ul style="list-style-type: none"> - 01 tiết dạy lý thuyết trình độ đại học Số sinh viên/lớp: <ul style="list-style-type: none"> ≤ 40 Từ 41 - 50 Từ 51 - 60 Từ 61 - 70 Từ 71 - 80 ≥ 80 - 01 tiết dạy bằng tiếng Anh, tiếng Pháp (trừ các học phần chuyên ngữ), cao học 	<ul style="list-style-type: none"> 1,0 + 0,1 + 0,2 + 0,3 + 0,4 + 0,5 + 0,5
2	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn thực hành, thí nghiệm cho học phần có 01 tín chỉ (30 tiết) thực hành, thí nghiệm + Không quá 35 SV với các môn thực hành trên máy tính + Không quá 30 SV với các môn học khác - Không quá 50 SV đối với lớp học phần GD thể chất 	<ul style="list-style-type: none"> 0,6/01 SV 01/01 SV 01/01 SV
3	Trợ lý khoa	50/năm
4	<ul style="list-style-type: none"> Cố vấn học tập/lớp/năm, tính theo sĩ số sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> ≤ 40 Từ 41 - 50 Từ 51 - 60 Từ 61 - 70 Từ 71 - 80 ≥ 80 	<ul style="list-style-type: none"> 45 50 55 60 65 70
5	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện xây dựng ngân hàng câu hỏi/đề thi kết thúc học phần kèm theo đáp án, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Ngân hàng đề thi tự luận - Ngân hàng đề thi vấn đáp - Ngân hàng đề thi/câu hỏi thi trắc nghiệm hoặc trắc nghiệm kết hợp tự luận 	<ul style="list-style-type: none"> 15GC/1 tín chỉ 15GC/1 tín chỉ 20GC/1 tín chỉ
	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với bộ đề thi/đáp án chỉnh sửa từ 30% đến 50% (theo đánh giá của HĐ nghiệm thu) - Đối với bộ đề thi/đáp án chỉnh sửa trên 50% (theo đánh giá của HĐ nghiệm thu) 	<ul style="list-style-type: none"> 1/4 tổng GC quy đổi theo hình thức ra đề 1/2 tổng GC quy đổi theo hình thức ra đề
6	<ul style="list-style-type: none"> Công tác ra đề - đáp án: <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thi tự luận, vấn đáp 	2GC/học phần

TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
	- Hình thức thi trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp tự luận - Hình thức thi thực hành * Những học phần đã được nghiệm thu ngân hàng đề thi/câu hỏi thi thì không được quy đổi ra giờ chuẩn	4GC/học phần 0,5GC/1 đề thi
7	Công tác đánh giá các lớp học phần (giữa kỳ, cuối kỳ) bằng hình thức tự luận, trắc nghiệm gồm: coi thi, chấm thi, nhập điểm, báo điểm - Trình độ đại học - Trình độ sau đại học	0,2/1 SV 0,3/1 SV
8	Coi thi	01GC/01 CBCT/ 01 ca thi
9	Hội đồng thi: - Trong giờ hành chính: Phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng phụ trách. - Ngoài giờ hành chính (các buổi tối, thứ 7 và chủ nhật): Phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng cung cấp lịch thi; Ban Giám hiệu phân công hội đồng trực thi theo lịch.	Thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường
10	Giảng viên kiêm nhiệm phụ trách phòng thí nghiệm	40/năm
11	Giảng viên kiêm nhiệm công tác của Ban Quản trị hệ thống thông tin	70/năm
12	Hướng dẫn SV làm đề tài NCKH cấp Trường trở lên và được đánh giá đạt khi nghiệm thu	20/đề tài
	Hướng dẫn SV thực hiện học phần thực tập thực tế tại Trường hoặc ở cơ sở ngoài Trường (bao gồm hướng dẫn và đánh giá báo cáo thực tập của sinh viên)	02/SV
	Hướng dẫn SV làm tiểu luận, thực tập tốt nghiệp đại học	07/tiểu luận
	Hướng dẫn SV làm khóa luận, đồ án tốt nghiệp đại học	18/khóa luận
	Hướng dẫn SV thực hiện ý tưởng/dự án tham gia các cuộc thi khởi nghiệp theo mức cụ thể như sau: a) Đối với cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức: - Đạt giải nhất, nhì, ba - Đạt giải khuyến khích	20 GC/dự án 15 GC/dự án

TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
	b) Đối với các cấp còn lại (cấp Trường và ngoài trường): đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích	10 GC/dự án
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH		
13	Hội đồng thẩm định bài giảng (Từ 3 đến 5 thành viên)	
	+ Chủ tịch	04
	+ Phản biện	05
	+ Ủy viên kiêm thư ký	04
	Hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học, dự án, giáo trình, chương trình đào tạo, Hội đồng nghiệm thu khác	
	+ Chủ tịch	06
	+ Phản biện	08
	+ Ủy viên	05
	+ Thư ký	06
	Hội đồng thẩm định đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học (03 thành viên/hội đồng)	
- Đối với hội đồng dưới 50 đồ án, khóa luận:	05	
+ Chủ tịch	03	
+ Phó Chủ tịch, Ủy viên	04	
+ Thư ký		
- Đối với hội đồng từ 50 đồ án, khóa luận trở lên:	07	
+ Chủ tịch	05	
+ Phó Chủ tịch, Ủy viên	06	
+ Thư ký		
Hội đồng (Ban) đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học (03 thành viên)		
+ Trưởng ban	04	
+ Phản biện	04	
+ Thư ký	03	
Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH của sinh viên (03 thành viên)		
+ Chủ tịch	04	
+ Phản biện	04	
+ Thư ký	03	
Chấm tiêu luận, báo cáo thực tập tốt nghiệp đại học (không thành lập Hội đồng)	02/báo cáo	
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC		
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ (KH-CN) cấp trên cơ sở đã được nghiệm thu	

TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
	+ Cấp Nhà nước	270
	+ Cấp Bộ - Tỉnh - TP	250
	Nhiệm vụ KHCN, đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương đã được nghiệm thu	
	Đề tài được HĐ nghiệm thu xếp loại Xuất sắc	180
14	Đề tài được HĐ nghiệm thu xếp loại Tốt	170
	Đề tài được HĐ nghiệm thu xếp loại Khá	160
	Đề tài được HĐ nghiệm thu xếp loại Đạt	150
	Nhiệm vụ KHCN khác (có yếu tố nước ngoài/hợp tác doanh nghiệp) sẽ do bộ phận thẩm định của Trường đề xuất quy chuẩn tương đương	-
	Xây dựng Đề án mở ngành trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ được phê duyệt	450
	Xây dựng đề án mở ngành trình độ đại học được phê duyệt	300
	Xây dựng chương trình đào tạo đại học liên thông và đại học văn bằng 2 được phê duyệt	150
	Đề án đánh giá, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được đánh giá đạt	450
	BIÊN SOẠN TÀI LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO	
15	Biên soạn bài giảng	20/tín chỉ
	Biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ; nếu viết bằng tiếng nước ngoài (một trong năm thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung) được nhân hệ số 1,5 (trừ các học phần viết cho các lớp chuyên ngữ)	60/tín chỉ
	Biên soạn giáo trình tái bản có sửa chữa bổ sung từ 30%-50% (theo đánh giá của Hội đồng nghiệm thu)	30/tín chỉ
	Biên soạn giáo trình tái bản có sửa chữa bổ sung trên 50% (theo đánh giá của Hội đồng nghiệm thu)	40/tín chỉ
	Xuất bản giáo trình đã được nghiệm thu (có chỉ số ISBN)	40/tín chỉ

TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
	Biên soạn sách chuyên khảo	120
	Sách tham khảo bằng tiếng Việt	80
	Biên soạn sách chuyên khảo	100/chương
	Sách tham khảo bằng tiếng nước ngoài được xuất bản bởi nhà xuất bản có uy tín trên thế giới	70/chương
	BÀI BÁO KHOA HỌC ĐƯỢC ĐĂNG	
	+ Tạp chí khoa học nước ngoài, Book series, Conference proceedings (có ISBN)	
	Được SCImago xếp hạng Q1	1000
	Được SCImago xếp hạng Q2	600
	Được SCImago xếp hạng Q3	300
	Được SCImago xếp hạng Q4	200
	Thuộc danh mục ISI, Scopus, ACH, SCImago nhưng chưa được xếp hạng	150
	Không thuộc danh mục SCImago	100
	+ Tạp chí khoa học trong nước theo mức điểm được tính tối đa của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước (HĐCDGSNN) (nếu đăng bài bằng tiếng Anh được cộng thêm 30 GC)	
	Tạp chí khoa học được HĐCDGSNN tính từ 1.0 điểm trở lên	150
	Tạp chí khoa học được HĐCDGSNN tính tối đa 0.75 điểm hoặc Tạp chí Khoa học và Công nghệ Cần Thơ	130
16	Tạp chí khoa học được HĐCDGSNN tính tối đa 0.5 điểm	110
	Tạp chí khoa học được HĐCDGSNN tính tối đa 0.25 điểm	90
	Tạp chí khoa học có chỉ số ISSN, có phản biện.	70
	+ Bài đăng kỷ yếu hội nghị/hội thảo	
	Kỷ yếu hội nghị/hội thảo quốc tế đăng toàn văn bằng tiếng nước ngoài, có xuất bản, có phản biện	50
	Kỷ yếu hội nghị/hội thảo quốc gia đăng toàn văn bằng tiếng Việt, có xuất bản, có phản biện	30
	Bài viết đăng kỷ yếu hội nghị, hội thảo cấp khoa, cấp trường, tỉnh, thành phố, có xuất bản, có phản biện	15
	Bài viết đăng trên bản tin Khoa học - Đào tạo của Trường	20
17	Sản phẩm NCKH đã được cấp quyền sở hữu trí tuệ	100
18	Báo cáo seminar cấp Khoa được đánh giá loại khá trở lên	15
	Báo cáo seminar cấp Trường được đánh giá loại khá trở	20

TT	Công việc cụ thể	Giờ chuẩn (GC)
	lên	
	Hội đồng thẩm định seminar cấp Khoa, cấp Trường + Chủ tọa + Thư ký	03 02
19	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường (Chủ tịch/Phó Chủ tịch, Thư ký/ Ủy viên)	70/60/50
	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa (Chủ tịch/Thư ký/Ủy viên)	30/25/20
	* Giảng viên là thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo chỉ được hưởng mức cao nhất	
20	ĐỀ ÁN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC (CSGD) VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CTĐT) ĐẠT CHUẨN	
	Đề án đánh giá chất lượng CSGD đạt chuẩn lần thứ nhất	1000GC
	Đề án đánh giá chất lượng CSGD đạt chuẩn các lần tiếp theo	500GC
	Đề án đánh giá giữa kỳ CSGD đạt yêu cầu	250GC
	Đề án đánh giá chất lượng CTĐT đạt chuẩn lần thứ nhất	440GC/CTĐT
	Đề án đánh giá chất lượng CTĐT đạt chuẩn các lần tiếp theo	220GC/CTĐT
	Đề án đánh giá giữa kỳ CTĐT đạt yêu cầu	110GC/CTĐT

“Lưu ý:

1. Các sản phẩm khoa học như: bài báo, đề tài/dự án, sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, ... được tính theo năm học, phải có ít nhất 2 tác giả ghi rõ đơn vị công tác, có đăng ký và được phê duyệt trước ngày công bố/nghiệm thu ít nhất 30 ngày thì mới được tính giờ chuẩn cho viên chức Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

2. Nếu bài báo khoa học có liên quan với kết quả của đề tài được cử đi đào tạo hoặc kết quả của đề tài/dự án khoa học đã/đang được giao nhiệm vụ thực hiện, thì được tính bằng 50% số giờ chuẩn quy đổi.

3. Sản phẩm khoa học được phân chia 50% khối lượng cho nhóm tác giả chính (không quá 02 viên chức) là tác giả thứ nhất - first author hoặc tác giả chịu trách nhiệm - corresponding author (xét theo thứ tự ưu tiên) và 50% chia đều cho các thành viên còn lại. Những trường hợp đặc biệt tác giả chính trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

4. Ban Giám hiệu hỗ trợ cơ sở pháp lý và khuyến khích giảng viên tham gia giảng dạy, nghiên cứu chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ với các đơn vị bên ngoài khi hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và khi tham gia phải ghi rõ đơn vị công tác.

5. Các nhà xuất bản sau đây được xem là các tạp chí uy tín như: Springer; Elsevier; Wiley-Blackwell; Taylor and Francis; Sage; Oxford University Press; Cambridge University Press; Emerald; Macmillan Publishers; Inderscience Publishers; Edward Elgar Publishing; Degruyter; World Scientific.... Ngoài ra, các nhà xuất bản của 100 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings (THE) do tạp chí Times Higher Education (Anh) hợp tác với Thomson Reuters bình chọn hàng năm cũng thuộc các Nhà xuất bản có uy tín.

6. Một giờ giảng chuyên đề, giảng lý thuyết, thực tập chuyên ngành, làm luận văn tốt nghiệp, tham gia hội đồng luận văn tốt nghiệp, ... cho các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ được tính bằng 1,5 giờ chuẩn các lớp đào tạo trình độ đại học.”

Điều 8. Các nhiệm vụ khác

Viên chức giảng viên thực hiện nhiệm vụ phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ khác đóng góp cho hoạt động của Trường và đơn vị, được thể hiện bằng những công việc cụ thể như sau:

1. Tham gia đầy đủ các hoạt động chung của Trường: các buổi sinh hoạt chính trị, học tập Nghị quyết, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, công tác xã hội, chào cờ, sinh hoạt tập thể...
2. Tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị...
3. Tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, đoàn thể, hội theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị.
4. Trực khoa, bộ môn; trực tư vấn tuyển sinh; trực Tự vệ cơ quan.
5. Học các chứng chỉ hỗ trợ nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc theo định hướng của Nhà trường và đơn vị.
6. Tự bồi dưỡng chuyên môn thông qua việc tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu, sách vở, tìm hiểu những lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành giảng dạy.
7. Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu và sự phân công của Nhà trường, UBND thành phố Cần Thơ, Trung ương.

Điều 9. Quy định đối với giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học, đào tạo lý luận chính trị

1. Đối với giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học:

a) Giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học trong nước nếu chọn không thực hiện giờ chuẩn, nhưng có tham gia công tác khác thì được hưởng chế độ theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ.

b) Giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học trong nước có thực hiện giờ chuẩn giảng dạy (50% giờ chuẩn) thì được hưởng phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục, bổ sung thu nhập theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ.

c) Giảng viên được cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài được miễn 100% tổng định mức giờ chuẩn và được hưởng các chế độ theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Đối với giảng viên được cử đi đào tạo lý luận chính trị

a) Giảng viên được cử đi đào tạo Cao cấp lý luận chính trị, tốt nghiệp đúng tiến độ, xếp loại tốt nghiệp từ loại Khá trở lên được giảm 70 GC/khóa học.

b) Giảng viên được cử đi đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, tốt nghiệp đúng tiến độ, xếp loại tốt nghiệp từ loại Khá trở lên được giảm 50 GC/khóa học.

Điều 10. Nguyên tắc tính giờ định mức và giờ vượt định mức

1. Những thay đổi về chức danh, trình độ và hệ số lương phát sinh từ ngày 30 tháng 6 hàng năm trở về trước sẽ được dùng làm căn cứ để xác lập lại nghĩa vụ và quyền lợi cho cả năm học; những thay đổi phát sinh từ ngày 01 tháng 7 hàng năm trở về sau được dùng để xây dựng kế hoạch công tác của năm học sau. Riêng những thay đổi về chế độ miễn giảm tổng định mức giờ chuẩn theo quy định tại Điều 9 của Quy định này và giảng viên mới được tuyển dụng, chuyển ngạch hoặc được phân công kiêm nhiệm được tính theo thực tế phát sinh trong năm.

2. Trường hợp giảng viên được hưởng chế độ miễn giảm theo quy định tại Điều 9 của Quy định này, đồng thời thuộc đối tượng giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 6 quy định này sẽ thực hiện định mức có giờ chuẩn thấp nhất.

3. Những giảng viên vượt tổng định mức giờ chuẩn sẽ được hưởng thù lao giờ vượt. Đơn giá và hệ số thanh toán chi thù lao giờ vượt được xác định theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Tổng số giờ chuẩn vượt định mức được thanh toán không vượt quá tổng số giờ chuẩn được quy đổi từ thời gian làm việc của giảng viên trong năm học theo quy định tại khoản 1 Điều 3, Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Đối với giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể đồng thời được hưởng chế độ giảm định mức giờ chuẩn theo Điều 7 của Quy định này thì thực hiện tính giảm định mức giờ chuẩn trước, sau đó xác định định mức giờ chuẩn giảng dạy theo tỉ lệ phần trăm (%) của Bảng 2 Điều 6 của Quy định này.

Điều 11. Kế hoạch hóa khối lượng công việc

1. Công tác kế hoạch của năm sau được thực hiện theo trình tự, cụ thể:

a) Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa, dự kiến học phần sẽ mở trong năm học sau, hạn cuối trước ngày 15 tháng 4 hàng năm.

b) Lãnh đạo khoa cân đối, điều chỉnh, tổng hợp khối lượng công tác chuyên môn và lập danh sách phân công giờ giảng hợp lý của khoa và giảng viên kiêm nhiệm làm việc tại các đơn vị của Trường; lập danh sách các học phần dự kiến mời giảng, hạn cuối đến ngày 01 tháng 6 hàng năm gửi về phòng Đào tạo.

c) Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm tổng hợp kế hoạch công tác của các đơn vị, chậm nhất đến ngày 15 tháng 7 hàng năm trình Hiệu trưởng phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. Kế hoạch giảng dạy đã được phê duyệt gửi về các phòng, khoa chức năng để quản lý và phối hợp thực hiện.

2. Lãnh đạo khoa có trách nhiệm phân công công tác bảo đảm đơn vị thực hiện đủ khối lượng giờ chuẩn định mức theo quy định và số giờ vượt chênh lệch (nếu có) của giảng viên có số giờ vượt cao nhất với giảng viên có số giờ vượt thấp nhất không quá 200 GC. Việc thanh toán vượt giờ được thực hiện khi tất cả giảng viên của bộ môn hoặc khoa hoàn thành tổng định mức giờ chuẩn theo quy định.

3. Nếu trong năm học, bộ môn hoặc khoa có giảng viên không hoàn thành định mức giờ chuẩn theo quy định thì số giờ vượt của các giảng viên khác được chuyển sang năm học liền kề và chỉ được thanh toán vượt giờ trong năm khi tất cả giảng viên hoàn thành định mức giờ chuẩn được giao.

Điều 12. Trách nhiệm đánh giá thực hiện định mức

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, giảng viên chịu sự phân công, giám sát, kiểm tra của bộ môn, khoa, các đơn vị có liên quan... nhằm đảm bảo kế hoạch, chất lượng giảng dạy, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và các công tác khác.

2. Lãnh đạo khoa, các phòng chức năng, trung tâm chịu trách nhiệm xác nhận việc thực hiện định mức giờ chuẩn giảng dạy, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và các công tác khác của giảng viên theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị. Cuối năm học, lãnh đạo khoa thực hiện tổng hợp số giờ được quy chuẩn của giảng viên đã thực hiện trong năm học, chậm nhất đến ngày 30 tháng 7 hàng năm gửi các đơn vị chức năng xác nhận việc thực hiện.

3. Căn cứ đề cương môn học và kế hoạch giảng dạy đã được phê duyệt, các đơn vị chức năng thực hiện xác nhận mức độ hoàn thành việc thực hiện công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các công tác khác của giảng viên, cụ thể:

a) Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng theo dõi việc thực hiện công tác giảng dạy lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, đánh giá môn học theo kế hoạch và xác nhận việc thực hiện công tác trên đối với các lớp liên kết đào tạo.

b) Phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng theo dõi và xác nhận việc thực hiện công tác giảng dạy lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, đánh giá môn học đối với các lớp hệ chính quy.

c) Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế theo dõi và xác nhận công tác nghiên cứu khoa học của giảng viên.

d) Phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên xác nhận các công tác khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của giảng viên được quy chuẩn theo quy chế này.

đ) Phòng Tổ chức - Hành chính xác nhận tổng định mức giờ chuẩn phải thực hiện của giảng viên sau khi đã miễn giảm theo quy định.

e) Các khoa chuyên ngành xác nhận khối lượng công việc thực hiện hướng dẫn đồ án, chuyên đề, thực tập môn học, thực tập thực tế, chấm đồ án, khóa luận, báo cáo thực tập tốt nghiệp.

g) Các đơn vị hoàn thành việc xác nhận chậm nhất 15 ngày sau khi các khoa gửi bảng tổng hợp số giờ được quy chuẩn.

4. Phòng Tài chính - Kế toán chịu trách nhiệm kiểm tra hồ sơ tổng hợp sau khi quy chuẩn, miễn giảm của giảng viên đã được các đơn vị chức năng xác nhận. Tối đa 30 ngày kể từ khi nhận hồ sơ, thực hiện thủ tục thanh toán tiền vượt giờ cho giảng viên (nếu có) theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

5. Các đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu và Hội đồng Nhà trường về công tác kiểm tra, xác nhận số giờ được quy chuẩn của giảng viên.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Lãnh đạo đơn vị có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện đúng theo quy định này, ghi nhận, xử lý những trường hợp vi phạm quy định; chịu trách nhiệm giải đáp hoặc giải trình khi có yêu cầu từ Ban Giám hiệu.

2. Nhà trường thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được nêu trong Điều 8 bằng phương pháp định tính trên cơ sở xem xét mức độ hoàn thành công tác và kết quả đánh giá viên chức giảng viên của đơn vị hằng năm.

3. Giảng viên vi phạm quy định này, tùy theo mức độ sẽ xem xét kết quả thi đua, thực hiện công tác đánh giá viên chức theo quy định của Trường và quy định của Nhà nước.

4. Các trường hợp đặc biệt sẽ được Ban Giám hiệu xem xét, giải quyết theo đề xuất của lãnh đạo các đơn vị.

5. Trong quá trình thực hiện, tùy theo tình hình thực tế, quy định này sẽ được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp trên cơ sở có đề xuất của lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường trình Ban Giám hiệu xem xét.



Huỳnh Thanh Nhã

